

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH GIANG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2023/HNGĐ- ST

Ngày 04/08 /2023

(V/v: Ly hôn và con chung, tài sản chung)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH GIANG – TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Vũ Minh Hải.**
- Các hội thẩm nhân dân: Ông **Bùi Đức Thụy**, ông **Vũ Duy Tuấn**
- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Mạnh** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang tham gia phiên tòa ông: Nguyễn Thành Trung - Kiểm sát viên

Ngày 04 tháng 08 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 132/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2021 về việc khởi kiện xin ly hôn, con chung và chia tài sản chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 04 ngày 17 tháng 03 năm 2023; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị H**, sinh năm 1984.(Có mặt).

Trú tại: Thôn Phụ Dực xã Hồng Phúc huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương

2. Bị đơn: Anh **Trần Văn P**, sinh năm 1985.(Vắng mặt không lý do).

Trú tại: Thôn T, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1951(Vắng mặt)

Trú tại: Thôn T, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương

NỘI DUNG VỤ ÁN

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ được thu thập trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau: Chị Bùi Thị H trình bày; chị và anh Trần Văn P lấy nhau là tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, đăng ký kết hôn Ủy ban nhân dân xã H(nay là xã H), huyện N, tỉnh Hải Dương vào ngày 19/09/2009. Sau khi kết hôn,vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống dẫn đến không bảo ban được nhau làm ăn, thường xuyên xảy ra va chạm và xích mích, anh P sinh ra rượu chè rồi đánh đập chị. Mặt khác anh P còn có quan hệ bất

chính với chị dâu chị H làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng sâu sắc và trầm trọng, hai bên gia đình đã khuyên bảo nhiều nhưng anh P không thay đổi từ đó không ai quan tâm đến ai, cuộc sống không có hạnh phúc, hai bên không còn tình yêu thương lẫn nhau, chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở từ năm 2019 đến nay, chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn anh P.

Về con chung: Chị H trình bày vợ chồng có hai con chung là: Trần Minh N, sinh ngày 19/07/2018 và cháu Trần Minh N1, sinh ngày 19/7/2018, hiện cháu N1 đang ở cùng chị, cháu N ở cùng anh P. Nay ly hôn chị xin nuôi cháu N1, để anh P nuôi cháu N. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau

Về tài sản chung: Quá trình điều tra Chị H khai có một khu đất chuyển đổi diện tích 2.848m² và các công trình xây dựng trên đất, các cây trồng trên diện tích đất trên, ly hôn chị đề nghị Tòa án định giá trị tài sản, giao khối tài sản trên cho anh P quản lý, anh P có trách nhiệm chia trả bằng tiền cho chị. Ngày 26/7/2023 chị H có đơn thay đổi yêu cầu về việc chia tài sản, chị chỉ đề nghị chia 1500m² mua của chị T1 và bà H1. Phần đất của bà T và anh P với diện tích còn lại chị không yêu cầu chia.

Bị đơn anh **Trần văn P1:** Cô tình vắng mặt không đến Tòa án trình bày về yêu cầu của mình, mặc dù anh đã biết việc Tòa án thụ lý giải quyết vụ án. Tòa án đã gửi thông báo cho anh P1 thực hiện quyền gửi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn. Anh P1 không nhận thông báo và ký biên bản giao nhận mặc dù đã biết nội dung. Tòa án đã báo anh P1 đến phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng anh P1 cố tình vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T trình bày: Mâu thuẫn giữa chị H và anh P1 theo bà được biết là do anh P1 có nhắn tin qua lại tình cảm với chị dâu, mọi người ghi ngờ anh P1 ngủ với chị dâu chị H, giữa gia đình Chị H và anh P1 có xảy ra xô xát. Sau đó chị H về gia đình bố mẹ đẻ ở, bà có sang tìm nhưng chị không về. Nay chị H xin ly hôn bà mong muốn hai bên đoàn tụ.

Về con chung: Bà T xác định vợ chồng có 02 con chung là: Trần Minh N, sinh ngày 19/07/2018 và cháu Trần Minh N1, sinh ngày 19/7/2018, hiện cháu N ở cùng anh P1. Nay ly hôn bà đề nghị mỗi người nuôi một cháu.

Về tài sản chung: Bà T xác định anh P1, chị H có đứng tên một khu chuyển đổi ở cánh đồng obi nguồn gốc tài sản là đồn 01 suất ruộng của bà, 01 suất của anh P1 và bà trực tiếp mua 1,5 suất của bà H1 và 1 suất của con gái bà, Đây là tài sản của bà không phải của anh P1, chị H bà không nhất trí chia.

Qua xác minh thẩm định và định giá các tài sản chị H khai của vợ chồng như sau:

*Đất ở: Thừa đất chuyển đổi cơ cấu cây trồng tại xứ đồng ô bi, diện tích 2.848m² thuộc địa phận thôn T xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương.

*Về tài sản trên đất: Nhà cấp 4, tường gạch chỉ 110, gạch chỉ, nền lát gạch hoa 50x50, mái ngói Fibro xi măng diện tích 54m² xây dựng năm 2013 giá trị 100.338.000đ. Chuồng lợn ngói fibro xi măng, tường xây gạch chỉ 110, xây dựng năm 2013 trị giá 55.162.000đ. 02 chuồng chó tường gạch chỉ 110, mái lợp fibro xi măng, cao 1,5m, diện tích 10m², xây dựng năm 2013 trị giá 3.652.000đ. Nhà tắm mái bằng diện tích 09m², xây tường gạch chỉ 110, xây dựng năm 2013 trị giá 23.493.000đ. Bể nước trên nóc nhà tắm xây dựng năm 2013 trị giá 586.000đ. Hầm bioga xây dựng năm 2013 trị giá 6.132.000đ. Sân bê tông đá dầy 10cm, diện tích 142m², xây dựng năm 2014 trị giá 12.113.000đ. kè bờ ao xây gạch chỉ 361,4m, xây dựng năm 2013 trị giá 96.298.000đ. Về đồ dùng sinh hoạt: 01 tủ lạnh panasonic 45l mua năm 2011 trị giá 320.000đ, 01 quạt nước Nakami 180W mua năm 2018 trị giá 500.000đ, 01 máy giặt Toshiba 8,2kg mau năm 2016 trị giá 1.200.000đ, 01 tivi màn hình phẳng sam sung 49’’ mua năm 2017 có giá trị 1.400.000đ, 01 máy lọc nước BeLife mua năm 2015 trị giá 400.000đ, 01 tủ lạnh công nghiệp 03 ngăn mua năm 2018 trị giá 4.000.000đ. Cây cối: 10 cây mít trị giá 4.400.000đ, 23 cây chè trị giá 690.000đ, 07 cây nhãn trị giá 3.250.000đ, 02 cây vải trị giá 320.000đ, 06 cây bưởi trị giá 2,160.000đ, 03 cây hồng xiêm trị giá 2.100.000đ, 07 cây dừa trị giá 2.800.000đ, 01 cây hải đường trị giá 450.000đ, 01 cây sấu trị giá 280.000đ, 16 cây na trị giá 2.755.000đ. tổng giá trị tài sản là 326.211.000đ

* Tổng diện tích thừa đất cơ cấu cây trồng tại xứ đồng obi diện tích 2.848m² đơn giá/m²: 300.000đ. Tổng giá trị thành tiền là: 854.400.000đ.

* Về tài sản trên đất: Tổng giá trị: 326.211.000đ. Tổng cộng giá trị tài sản trên đất và đất ở được định giá :1.180.611.000đ.

Về nợ: Chị H xác định không nợ ai và cho ai vay nợ.

Tại phiên tòa: Chị Bùi Thị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh P1 và đề nghị Tòa án về phần tài sản chung của vợ chồng, chị chỉ đề nghị chia phần tài sản giá trị là 1500m² đất canh tác khu chuyển đổi đây là diện tích đất chị và anh P1 mua thêm của chị T1 và của bà H1 và 02 chỉ vàng bà Thu g chị đề nghị trả lại cho chị, còn diện tích đất còn lại của anh P1 và mẹ anh P1(bà T) chị không đề nghị chia. Chị không yêu cầu chia bằng hiện vật mà đề nghị giao khối tài sản của vợ chồng cho anh P1 quản lý, anh P1 có trách nhiệm chia trả chênh lệch bằng tiền cho chị H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký từ khi thụ lý cho đến trước khi vào nghị án thực hiện đúng theo quy định của

pháp luật Tổ tụng dân sự về thẩm quyền và trình tự thủ tục của giai đoạn xét xử sơ thẩm. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại điều 70, 71 BLTTDS. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại điều 70, 72 BLTTDS. Người làm chứng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 73, 77 BLTTDS. Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 21, Điều 147, 227, 228, 232, 262 BLTTDS năm 2015, Điều 181 BLDS 2015; Nghị quyết 321 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị H, xử cho chị Bùi Thị H được ly hôn anh Trần Văn P. Về Con C: Giao cho chị Bùi Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Văn N2, giao cho anh Trần Văn P trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Văn N3. Chị H và anh P không bắt buộc phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho 02 con và hai bên có quyền thăm nom các con mà không ai được cản trở. Về tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Thị H, chia đôi số tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân. Giao cho anh Trần Văn P được quyền quản lý, sử dụng thửa đất chuyển đổi cơ cấu cây trồng tại xứ đồng ôbi mang tên Trần Văn P, diện tích 2848m² (Trong đó 1500m² đất của vợ chồng) thuộc địa phận thôn T xã H, huyện N và toàn bộ tài sản trên đất. Buộc anh Trần Văn P trả cho chị Bùi Thị H 388.105.500đ tiền chênh lệch giá trị tài sản. Chấp nhận yêu cầu của chị H, buộc bà Nguyễn Thị T (mẹ đẻ anh P) đang quản lý 02 chỉ vàng 9999 của chị H có trách nhiệm trả lại 02 chỉ vàng nêu trên cho chị H. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn; Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ án phí trả lại tài sản. Anh P và chị H phải chịu án phí chia tài sản

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án. HĐXX, thấy:

[1] **Về tố tụng:** Anh P đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Như vậy, Anh P đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng; Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh P là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] **Về nội dung:** Hôn nhân giữa chị Bùi Thị H và anh Trần Văn P hoàn toàn tự nguyện được Ủy ban nhân dân xã H (nay là Hồ N), huyện N, tỉnh Hải Dương cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 19/09/2009, tại thời điểm kết hôn chị H và anh P hoàn toàn tự nguyện, điều đó thỏa mãn các điều kiện, trình tự thủ tục kết hôn được Luật Hôn nhân và Gia đình quy định.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Bùi Thị H Hội đồng xét xử thấy:* Sau khi kết hôn vợ chồng chị H, anh P chung sống hòa thuận được 10 năm thì phát sinh

mâu, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống dẫn đến vợ chồng không bao ban được nhau làm ăn, anh Phán H2 rượu chè về say xỉn đánh chị H. Mặt khác theo chị H trình bày anh P còn có quan hệ bất chính với chị dâu nên hai bên thường xuyên xảy ra va chạm và xích mích, do mâu thuẫn sâu sắc và trầm trọng chị đã bỏ về gia đình bố mẹ đẻ ở từ tháng 4/2019 đến nay. Từ khi chị về gia đình bố mẹ đẻ ở, anh P không tìm chị về. Tòa án đã nhiều lần báo gọi anh P đến Tòa án giải quyết việc chi H xin ly hôn nhưng anh cố tình không đến, điều đó thể hiện anh không mong muốn vợ chồng đoàn tụ, không còn tình cảm với chị H. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn anh P, chị H xảy ra trong thời gian dài trầm trọng, hai bên không có sự tôn trọng yêu thương nhau, đời sống chung không thể tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H về việc xin ly hôn anh P là phù hợp với quy định tại các Điều 51 và 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4]. Về con chung: Chị H, anh P có hai chung là Trần Minh N sinh ngày 19/07/2018 và cháu Trần Minh N1 sinh ngày 19/7/2018 hiện cháu N1 đang ở cùng chị H, cháu N ở cùng anh P. Chị H đề nghị chị xin nuôi cháu N1, để anh P nuôi cháu N. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Xét yêu cầu đề nghị trên của chị H, hội đồng xét xử thấy rằng: Việc giao con chưa thành niên cho ai chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục phải căn cứ vào quyền lợi của con chung. Hiện anh P nuôi cháu N, chị H nuôi cháu N1 hai cháu vẫn đang ăn ở, học tập, sinh hoạt ổn định, do vậy cần chấp nhận yêu cầu về con chung của chị H là phù hợp quy định của pháp luật. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

[5] **Về tài sản chung:** Chị H xác định tài sản chung của vợ chồng và yêu cầu định giá cụ thể như sau:

* Đất ở: Tổng diện tích thửa đất cơ cấu cây trồng tại xứ đồng obi diện tích 2.848m² đơn giá/m²: 300.000đ, tuy nhiên chị H chỉ yêu cầu chia 1500m² nên trị giá là 450.000.000đ.

*Về tài sản trên đất: Nhà cấp 4, tường gạch chỉ 110, nền lát gạch hoa 50x50, mái ngói Fibro xi măng diện tích 54m² xây dựng năm 2013 giá trị 100.338.000đ. Chuồng lợn ngói fibro xi măng, tường xây gạch chỉ 110, xây dựng năm 2013 trị giá 55.162.000đ. 02 chuồng chó tường gạch chỉ 110, mái lợp fibro xi măng, cao 1,5m, diện tích 10m², xây dựng năm 2013 trị giá 3.652.000đ. Nhà tắm mái bằng diện tích 09m², tường gạch chỉ 110, xây dựng năm 2013 trị giá 23.493.000đ. Bể nước trên nóc nhà tắm xây dựng năm 2013 trị giá 586.000đ. Hầm bioga xây dựng năm 2013 trị giá 6.132.000đ. Sân bê tông đá dày 10cm, diện tích 142m², xây dựng năm 2014 trị giá 12.113.000đ. Kè bờ ao xây gạch chỉ 361,4m, xây dựng năm 2013 trị giá 96.298.000đ. Về đồ dùng sinh hoạt: 01 tủ lạnh panasonic 45l mua năm 2011 trị giá 320.000đ, 01 quạt nước Nakami 180W mua năm 2018 trị giá 500.000đ, 01 máy giặt Toshiba 8,2kg mua năm 2016 trị giá 1.200.000đ, 01 tivi màn hình

phẳng sam sung 49'' mua năm 2017 có giá trị 1.400.000đ, 01 máy lọc nước BeLife mua năm 2015 trị giá 400.000đ, 01 tủ lạnh công nghiệp 03 ngăn mua năm 2018 trị giá 4.000.000đ. Cây cối: 10 cây mít trị giá 4.400.000đ, 23 cây chè trị giá 690.000đ, 07 cây nhãn trị giá 3.250.000đ, 02 cây vải trị giá 320.000đ, 06 cây bưởi trị giá 2.160.000đ, 03 cây hồng xiêm trị giá 2.100.000đ, 07 cây dừa trị giá 2.800.000đ, 01 cây hải đường trị giá 450.000đ, 01 cây sấu trị giá 280.000đ, 16 cây na trị giá 2.755.000đ Tổng tài sản, đồ dùng sinh hoạt, cây cối được định giá là: 326.211.000đ.

*Tổng cộng giá trị tài sản trên đất và đất ở chị H yêu cầu chia trị giá là: 776.211.000đ. Sau khi có kết quả xác minh định giá tài sản chung của anh P và Chị H, Tòa án đã gửi kết quả định giá, niêm yết công khai kết quả định giá đối với bị đơn anh P theo đúng quy định tại nơi ở và UBND xã H vì anh P cố tình vắng mặt không tham gia thẩm định và định giá tài sản, đến nay anh P không có ý kiến phản đối hay thắc mắc gì. Quan điểm của chị H đề nghị chia phần tài sản là 1500m2 đây là diện tích đất chị và anh P mua thêm của chị T1 và của bà H1, chị xin nhận bằng tiền. Diện tích đất còn lại của anh P và mẹ anh P chị không đề nghị chia. Ngoài ra chị yêu cầu bà T mẹ anh P đang giữ của chị 02 chỉ vàng 9999 (vòng đeo tai) đây là tài sản riêng của chị, được gia đình cho riêng, chị yêu cầu trả lại cho chị.

*Xét yêu cầu chia tài sản chung của chị H, Hội đồng xét xử nhận thấy: Toàn bộ khối tài sản chị H đề nghị chia gồm: 1500m2 đất x 300.00= 450.000.000đ, các tài sản xây dựng và cây trồng trên đất được định giá là: 326.211.000đ. Tổng tài sản trị giá thành tiền là : 776.211.000đ, hiện do anh P quản lý sử dụng. Tiến hành lấy lời khai của bà T mẹ anh P, bà T xác định toàn bộ khu chuyển đổi ở xứ đồng obi gồm đất và các công trình xây dựng và cây trồng trên đất là của bà, suất ruộng mua của bà H1 và chị T1 là do bà mua, bà là người trả tiền. Qua xác minh trên thực tế hồ sơ quản lý diện tích đất, công trình xây dựng tạm thời trên đất chuyển đổi chủ hộ là anh Trần Văn P ký, theo chị H khai khi mua ruộng và làm chuyển đổi bà T lúc đó trên 60 tuổi, sống phụ thuộc con, bà T chỉ có hai người con là anh P và 01 người con gái là (chị T1) đã đi lấy chồng ở riêng tại Quảng Ninh. Khi chị và anh P lấy nhau bà T chỉ ở nhà trông con cho anh, chị đi làm, thời gian đầu vợ chồng chị và bà T ở trên nhà, đất của bà T ở trong làng. Năm 2012 do nhà, đất chật nên anh, chị mới tính ra làm khu chuyển đổi và chuyển ra đó sống, sau đó đón bà T ra ở cùng. Khi mua thêm ruộng anh, chị đi làm Công ty có nhờ bà T quen biết ở nhà tìm mua và trả tiền hộ xuất ruộng mua của bà H1, còn của chị T1 là do anh, chị là người trực tiếp hỏi mua và trả tiền. Toàn bộ số tiền mua thêm ruộng và xây dựng các công trình trên đất khu chuyển đổi ôbi là tiền của vợ chồng chị tích góp, vay mượn mà có, sau đó trả dần. Anh P đi làm thợ xây và chị đi làm công nhân, cộng với chăn nuôi bò, lợn, gà, vịt, thả cá để trả các khoản vay mượn, ngoài ra còn có sự hỗ trợ giúp đỡ của gia đình chị. Căn cứ các tài liệu xác minh và lời khai các bên

có thể xác định số tiền mua phần đất ruộng canh tác của bà H1 và chị T1 dồn vào khu chuyển đổi ở xứ đồng obi là của anh P, chị H, với tổng diện tích chị H yêu cầu được chia là 1500m² với giá 300.00/m² thành tiền 450.000.000đ. Anh, chị đã xây dựng, trồng cây tạo lập các tài sản trên đất được định giá là: 326.211.000đ. Tổng cộng trị tài sản chung chị H, anh P được trị giá thành tiền là: 776.211.000đ, là tài sản chung hợp pháp do anh P, chị H tạo lập nên trong thời kỳ hôn nhân. Yêu cầu đề nghị của chị H là khi ly hôn anh và chị mỗi người được hưởng ½ khối tài sản trên, chị không đề nghị chia bằng hiện vật mà đề nghị giao khối tài sản trên cho anh P sở hữu, quản lý sử dụng. Anh P có trách nhiệm chia trả bằng tiền cho chị H. Xét yêu cầu trên của chị H là tự nguyện phù hợp với pháp luật, cần xử giao khối tài sản của anh P, chị H cho anh P được quyền sở hữu, quản lý sử dụng gồm: Diện tích thửa đất cơ cấu cây trồng tại xứ đồng obi diện tích 1500m² trong tổng số (2.848m²) đơn giá/m²: 300.000đ, tổng giá trị thành tiền là: 450.000.000đ. Nhà cấp 4, tường gạch chỉ 110, nền lát gạch hoa 50x50, mái ngói Fibro xi măng diện tích 54m² xây dựng năm 2013 giá trị 100.338.000đ. Chuồng lợn ngói fibro xi măng, tường xây gạch chỉ 110, xây dựng năm 2013 trị giá 55.162.000đ. 02 chuồng chó tường gạch chỉ 110, mái lợp fibro xi măng, cao 1,5m, diện tích 10m², xây dựng năm 2013 trị giá 3.652.000đ. Nhà tắm mái bằng diện tích 09m², tường gạch chỉ 110, xây dựng năm 2013 trị giá 23.493.000đ. Bể nước trên nóc nhà tắm xây dựng năm 2013 trị giá 586.000đ. Hầm bioga xây dựng năm 2013 trị giá 6.132.000đ. Sân bê tông đá dày 10cm, diện tích 142m², xây dựng năm 2014 trị giá 12.113.000đ. Kè bờ ao xây gạch chỉ 361,4m, xây dựng năm 2013 trị giá 96.298.000đ. Về đồ dùng sinh hoạt: 01 tủ lạnh panasonic 45l mua năm 2011 trị giá 320.000đ, 01 quạt nước Nakami 180Wwmua năm 2018 trị giá 500.000đ, 01 máy giặt Toshiba 8,2kg mua năm 2016 trị giá 1.200.000đ, 01 tivi màn hình phẳng sam sung 49’’ mua năm 2017 có giá trị 1.400.000đ, 01 máy lọc nước BeLife mua năm 2015 trị giá 400.000đ, 01 tủ lạnh công nghiệp 03 ngăn mua năm 2018 trị giá 4.000.000đ. Cây cối: 10 cây mít trị giá 4.400.000đ, 23 cây chè trị giá 690.000đ, 07 cây nhãn trị giá 3.250.000đ, 02 cây vải trị giá 320.000đ, 06 cây bưởi trị giá 2,160.000đ, 03 cây hồng xiêm trị giá 2.100.000đ, 07 cây dừa trị giá 2.800.000đ, 01 cây hải đường trị giá 450.000đ, 01 cây sấu trị giá 280.000đ, 16 cây na trị giá 2.755.000đ, tổng giá trị tài sản là 326.211.000đ. Tổng cộng giá trị tài sản trên đất và đất ở là: 776.211.000đ. Anh P có trách nhiệm chia trả bằng tiền cho chị H 388.105.500đ là phù hợp. Đối với 02 chỉ vàng chị H yêu cầu bà T trả lại, bà T xác định hiện đang giữ của chị H, do bà T đang nuôi cháu N nợ 4000.000đ tiền sữa, khi nào chị H thanh toán khoản trên bà sẽ trả lại, chị H khai không nợ ai và không biết khoản nợ trên. Xét số vàng trên là tài sản riêng của chị H được tặng cho riêng làm đồ trang sức nên cần buộc bà T trả lại cho chị H.(Nếu có tranh chấp bà T có quyền khởi kiện trong vụ án khác)

[6]**Về án phí** : Chị Bùi Thị H phải chịu phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn và chịu án phí chia tài sản. Anh P phải chịu án phí chia tài sản, bà T phải chịu án phí dân sự không có giá ngạch.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 51, 56, 59, 81, 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị **Bùi Thị H**.

Xử cho **Bùi Thị H** được ly hôn anh **Trần Văn P**.

Về Con chung: Giao con Trần Minh N sinh ngày 19/07/2018 cho anh Trần Văn P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao con Trần Minh N1 sinh ngày 19/7/2018 cho chị Bùi Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, đến khi hai con đủ 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng cho nhau. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản: Xử giao anh Trần Văn P Sở hữu, quản lý sử dụng các tài sản gồm:

*Về đất ở: Tổng diện tích thửa đất cơ cấu cây trồng tại xứ đồng obi diện tích 1500m²(trong tổng số 2848m²) đơn giá/m²: 300.000đ. Tổng giá trị thành tiền là: 450.000.000đ.

* Các tài sản công trình và các cây cối trên đất là: Nhà cấp 4, tường gạch chỉ 110, gạch chỉ, nền lát gạch hoa 50x50, mái ngói Fibro xi măng diện tích 54m² xây dựng năm 2013 giá trị 100.338.000đ. Chuồng lợn ngói fibro xi măng, tường xây gạch chỉ 110, xây dựng năm 2013 trị giá 55.162.000đ. 02 chuồng chó xây gạch chỉ 110, mái lợp fibro xi măng, cao 1,5m, diện tích 10m², xây dựng năm 2013 trị giá 3.652.000đ. Nhà tắm mái bằng diện tích 09m², xây tường gạch chỉ 110, xây dựng năm 2013 trị giá 23.493.000đ. Bể nước trên nóc nhà tắm xây dựng năm 2013 trị giá 586.000đ. Hầm bioga xây dựng năm 2013 trị giá 6.132.000đ. Sân bê tông đá dày 10cm, diện tích 142m², xây dựng năm 2014 trị giá 12.113.000đ. Kè bờ ao xây gạch chỉ 361,4m, xây dựng năm 2013 trị giá 96.298.000đ. Về đồ dùng sinh hoạt: 01 tủ lạnh panasonic 45l mua năm 2011 trị giá 320.000đ, 01 quạt nước Nakami 180W mua năm 2018 trị giá 500.000đ, 01 máy giặt Toshiba 8,2kg mua năm 2016 trị giá 1.200.000đ, 01 tivi màn hình phẳng sam sung 49’’ mua năm 2017 trị giá 1.400.000đ, 01 máy lọc nước BeLife mua năm 2015 trị giá 400.000đ, 01 tủ lạnh công nghiệp 03 ngăn mua năm 2018 trị giá 4.000.000đ. Cây cối: 10 cây mít trị giá 4.400.000đ, 23 cây chè trị giá 690.000đ, 07 cây nhãn trị giá 3.250.000đ, 02 cây vải trị giá 320.000đ, 06 cây bưởi trị giá 2.160.000đ, 03 cây hồng xiêm trị giá 2.100.000đ, 07 cây dừa trị giá 2.800.000đ, 01 cây hải đường trị giá 450.000đ, 01

cây sấu trị giá 280.000đ, 16 cây na trị giá 2.755.000đ. Tổng giá trị tài sản là 326.211.000đ. Tổng cộng giá trị tài sản trên đất và đất ở: là 776.211.000đ. Anh P có trách nhiệm chia trả bằng tiền cho chị H số tiền là: 388.105.500đ. (Ba trăm tám tám triệu một trăm linh năm ngàn năm trăm đồng)

Buộc bà Nguyễn Thị T trả lại cho chị H 02 chỉ vàng 9999 hiện bà T đang quản lý của chị H.

Kể từ ngày án có hiệu lực chị H có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền trên, nếu anh P chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán. Lãi suất phát sinh do chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án Phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị H phải nộp 300.000đ tiền án phí sơ thẩm ly hôn và 19.405.000đ án phí chia tài sản nhưng được đối trừ với số tiền 9.535.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2020/0000015 ngày 19/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương. Chị H còn phải nộp 9.870.275đ. Anh P phải nộp 19.405.275đ án phí chia tài sản. Bà T phải chịu 300.000đ án phí dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo liên quan đến quyền lợi của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hải Dương;
- VKSND huyện Ninh Giang;
- Chi cục THA dân sự huyện Ninh Giang;
- UBND xã Hồng Dụ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Vũ Minh Hải

